

Bản án số: 2276/2026/DS-ST
Ngày: 25-8-2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Hồng Vân;
- Bà Trần Thị Minh Phượng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 972/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 670/2026/QĐST – DS ngày 07 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Hoàng H, sinh ngày: 20/9/1975, số CCCD: 027075000229, nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội, ngày cấp: 28/9/2023 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 402 Bến Súc, ấp An Bình, xã An Nhơn Tây, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 811 đường Tỉnh lộ 15, ấp Bến Đình, xã Nhuận Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Khánh L, sinh năm: 1973

Địa chỉ: 402 Bến Súc, ấp An Bình, xã An Nhơn Tây, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 811 đường Tỉnh lộ 15, ấp Bến Đình, xã Nhuận Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Hợp đồng uỷ quyền số công chứng 003737/2026/CCGD ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Công chứng Cử Chi)

2. Bà Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày: 05/4/1973, số CCCD: 079173010705, nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, ngày cấp: 22/11/2021 (vắng mặt)

Địa chỉ: 402 Bến Súc, ấp An Bình, xã An Nhơn Tây, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 811 đường Tỉnh lộ 15, ấp Bến Đình, xã Nhuận Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

1. Ông Trần Minh H, sinh ngày: 06/11/1977, số CCCD: 052077016860, nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, ngày cấp: 27/12/2021 (vắng mặt).

Địa chỉ: 623/65 Cách mạng tháng Tám, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Bùi Thị Yến N, sinh ngày: 04/9/1978, số CMND: 023593943, nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh, ngày cấp: 06/4/1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 25/58C Nguyễn Bình Khiêm, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/9/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/10/2022, ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Khánh L có cho ông Trần Minh H và bà Bùi Thị Yến N vay số tiền 13.000.000.000 (mười ba tỉ) đồng theo giấy mượn nợ ngày 19/10/2022. Khi vay, ông H và bà N có thỏa thuận miệng trả lãi 10%/ năm. Số tiền này vợ chồng bà L và ông H cho vợ chồng ông H và bà N mượn để kinh doanh và sử dụng vào mục đích chung của gia đình ông H và bà N, tuy nhiên do tin tưởng nên khi viết giấy nợ ông H và bà L chỉ để một mình ông H ký xác nhận nợ. Ông H và bà L xác nhận số tiền này là vợ chồng ông H và bà N cùng mượn, tại thời điểm đó ông H và bà N cùng kinh doanh và sử dụng vào mục đích chung. Quá trình vay tiền ông H và bà N không trả tiền lãi và tiền gốc cho ông H và bà L, ông H và bà L đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông H và bà N chỉ hứa hẹn mà không trả nợ.

Nay, ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Khánh L yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là ông Trần Minh H và bà Bùi Thị Yến N phải liên đới trả ngay một lần số tiền nợ gốc 13.000.000.000 (mười ba tỉ) đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 19/10/2022 đến ngày 25/8/2026 là 03 năm 10 tháng với mức lãi suất 10%/ năm.

Bị đơn ông Trần Minh H và bà Bùi Thị Yến N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hoà giải cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng ông Trần Minh H và bà Bùi Thị Yến N không nộp tài liệu, chứng cứ cũng như không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến việc giải quyết vụ án vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và xét xử vụ án.

Tại phiên toà nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Khánh L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Trần Minh H và bà Bùi Thị Yến N liên đới trả số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/8/2026 và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/8/2026 cho đến khi ông H và bà N trả hết số nợ.

Bị đơn ông Trần Minh H và bà Bùi Thị Yến N vắng mặt không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật về tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ giai đoạn thụ lý đến khi nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật, đầy đủ. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản pháp luật nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay là vi phạm quy định pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào bản tự khai và giấy mượn tiền ngày 19/10/2022, giấy cam kết trả nợ ngày 25/02/2023 và ngày 13/12/2023 do ông Trần Minh H ký tên xác nhận, có cơ sở xác định ông H có vay tiền của ông H và bà L với số tiền nợ gốc là 13.000.000.000 đồng; ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán về tiền nợ gốc và lãi nên đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc ông H trả nợ, không chấp nhận buộc bà N liên đới trả nợ cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có cư trú tại địa chỉ 623/65 Cách Mạng Tháng Tám, phường Hoà Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật

tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án ngày 25/6/2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét Hợp đồng ủy quyền số công chứng 003737/2026/CCGD ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Công chứng Cử Chi của ông Nguyễn Hoàng H ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Khánh L tham gia tố tụng tại Tòa án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét đơn xin vắng mặt của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Khánh L là hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

Nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu ông Trần Minh H và bà Bùi Thị Yến N liên đới trả số tiền nợ gốc và lãi, vì vậy, xác định ông Trần Minh H và bà Bùi Thị Yến N là đồng bị đơn. Xét bị đơn ông Trần Minh H và bà Bùi Thị Yến N đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập họp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không tham gia phiên tòa, cũng như không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về pháp luật áp dụng: Các bên xác lập giao dịch dân sự từ tháng 10/2022 nên áp dụng quy định pháp luật tại thời điểm phát sinh giao dịch để điều chỉnh và xét xử. Giấy mượn tiền do ông Trần Minh H ký tên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu trả tiền nợ gốc:

[3.1] Đối với giấy mượn tiền ngày 19/10/2022, giấy cam kết trả nợ ngày 25/02/2023 và ngày 13/12/2023 do ông Trần Minh H ký tên xác nhận là chứng cứ ông H và bà L nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của mình. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho ông H và bà N. Tuy nhiên, ông H và bà N vắng mặt trong quá trình Tòa tiến hành tố tụng và không có văn bản phản đối chứng cứ do ông H và bà L đưa ra nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ mà ông H và bà L nộp cho Tòa án để xét xử vụ án.

[3.2] Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 19/10/2022, giấy cam kết trả nợ ngày 25/02/2023 và ngày 13/12/2023 do ông Trần Minh H ký tên xác nhận và lời khai của ông H, bà L có cơ sở xác định ông Trần Minh H có vay của ông Nguyễn

Hoàng H và bà Nguyễn Thị Khánh L số tiền 13.000.000.000 (mười ba tỷ) đồng, thời hạn trả nợ là ngày 25/01/2024. Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*. Tuy nhiên cho đến nay, đã quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông H và bà L là vi phạm những điều kiện đã thỏa thuận khi vay tiền, vi phạm nghĩa vụ thanh toán

[3.3] Xét nguyên đơn trình bày giấy mượn tiền và giấy cam kết chỉ có ông H ký tên nhưng tại thời điểm vay tiền, ông H và bà N là vợ chồng, ông H vay tiền với mục đích kinh doanh và sử dụng chung trong gia đình và bà N cũng biết việc vay mượn này. Căn cứ khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện”* đối chiếu quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.”*. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không chứng minh được việc ông H vay tiền dùng vào sinh hoạt gia đình cũng như tại các tin nhắn nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền cũng không thể hiện nội dung yêu cầu vợ chồng ông H thực hiện nghĩa vụ. Nên việc ông H và bà L khởi kiện ông H và bà N yêu cầu liên đới trả số tiền nợ gốc 13.000.000.000 (mười ba tỷ) đồng là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu trả tiền nợ lãi:

[4.1] Căn cứ giấy xác nhận trả nợ ngày 25/02/2023, ông H có xác nhận trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận. Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác”*. Tuy mức lãi suất cụ thể không ghi trên giấy mượn tiền và giấy xác nhận nhưng có sự thỏa thuận trả lãi giữa các bên. Ông H và bà L khai lãi suất các bên thỏa thuận là 10%/ năm, ông H và bà N không có ý kiến phản đối và mức lãi suất các bên thỏa thuận không vượt quá 20%/ năm.

[4.2] Ông H và bà L yêu cầu ông H và bà N trả lãi từ ngày 19/10/2022 đến khi Tòa án xét xử vụ án. Nhận thấy, tại giấy vay tiền các bên không thỏa thuận lãi suất như sau đó bị đơn ông H có ký cam kết sẽ trả nợ dần cụ thể: trả 5.000.000.000 đồng vào ngày 25/3/2023 và 1.000.000.000 đồng vào ngày 25/01/2024. Tuy nhiên, cả hai lần trên đều không thực hiện nên không có cơ sở xem xét thời gian ông H xin trả nợ gốc 13.000.000.000 đồng. Mặc khác, tại các giấy vay và cam kết trả nợ ông H thể hiện ý chí vay có lãi suất cũng như tại tin nhắn ông H cũng nêu tiền gốc còn nợ cho thấy ông H biết việc vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi. Như phân tích tại phần [4.1] thì lãi suất 10%/ năm là phù hợp nên Hội đồng xét xử

chấp nhận, tiền lãi tính từ ngày 19/10/2022 là ngày hai bên ký giấy vay tiền phát sinh nghĩa vụ trả lãi của bị đơn ông H đến ngày 25/8/2026 (03 năm, 10 tháng, 06 ngày, nguyên đơn đồng ý tính tròn 03 năm 10 tháng) là 4.983.333.333 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

Do thời hạn ông Trần Minh H và bà Bùi Thị Yên N không thanh toán số tiền còn thiếu cho ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Khánh L đã lâu làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay số tiền còn thiếu là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 278, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 1, Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án ngày 25/6/2025;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.;

Xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Trần Minh H có trách nhiệm trả ngay cho ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Khánh L số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/8/2026 là

17.983.333.333 (mười bảy tỷ, chín trăm tám mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn, ba trăm ba mươi ba) đồng trong đó nợ gốc là 13.000.000.000 đồng, tiền lãi là 4.983.333.333 đồng.

Tiền lãi được tính tiếp tục tính kể từ ngày 26/8/2026 cho đến khi ông Trần Minh H trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Khánh L về buộc bà Bùi Thị Yến N liên đới trả nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Ông Trần Minh H chịu 125.983.333 đồng.

[3.2] Ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Khánh L chịu án phí 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.908.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001059 ngày 27/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Quy Nhơn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Gia Lai). Hoàn lại cho ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Khánh L số tiền 61.608.000 đồng

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV4, TP.HCM;
- THADS tỉnh Gia Lai ;
- THADS TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Trần Thanh Nhàn